

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHOÁN
ARTEX**

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ARTEX
DN: c=VN, st=HÀ NỘI,
l=Phường Từ Liêm,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN ARTEX,
0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:0102669368
Date: 2025.08.14[®]
15:35:26 +07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo và đã được Ban quản trị Công ty phê duyệt.

BAN QUẢN TRỊ

Ban Quản trị bao gồm: Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Huy Linh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Phạm Tú Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Phùng Thị Thu Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Trịnh Thành Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Thành Lê	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Thanh Cẩm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Thành Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Trung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Vũ Minh Tuấn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Lê Trọng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Ông Nguyễn Đăng Vù	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Bùi Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025

Kế toán trưởng

Ông Vũ Quang Hải	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 22/04/2025
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 22/04/2025

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến ngày lập báo cáo này là Ông Trịnh Huy Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Trịnh Thành Long - Tổng Giám đốc được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký báo cáo này và Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 12/GUQ-ARTEX ngày 23/07/2025.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG VÀ SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Quản trị Công ty khẳng định rằng, ngoài thông tin đã trình bày tại Thuyết minh số 36 - Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Số: 900/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX
cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13/08/2025, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Quản trị

Ban Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty đã thực hiện dự phòng 100% giá trị các khoản công nợ phải thu khác và cho vay ký quỹ từ năm 2022: khoản đặt cọc còn lại mua cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Unicap với giá trị 63,5 tỷ đồng, khoản tài sản thiếu chờ xử lý là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB đã tạm thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân về việc thu giữ này cho Công ty với số tiền là 467.155.415.291 đồng và khoản cho vay ký quỹ mã chứng khoán GAB với giá trị là 114.411.857.455 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các tài liệu liên quan một cách đầy đủ và thích hợp để có thể đánh giá được tính hiện hữu của các khoản phải thu khác và cho vay ký quỹ nêu trên tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế của Công ty là 903.066.983.998 đồng. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty có một số sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến việc thu hẹp hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay và trong thời gian tới. Tuy nhiên, Ban Quản trị Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề này để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại của Công ty cũng đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả, do đó, Báo cáo tài chính kèm theo vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.113.763.440	84.172.738.968
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		37.285.899.750	79.787.949.569
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	27.215.112.940	69.180.275.214
Tiền	111.1		27.215.112.940	69.180.275.214
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	9.197.309.836	9.197.336.236
Các khoản cho vay	114	8	114.411.857.455	114.411.857.455
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	9	(114.411.857.455)	(114.411.857.455)
Trả trước cho người bán	118	10	614.598.828	711.919.019
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	29.419.318.041	29.414.601.830
Các khoản phải thu khác	122	10	531.326.222.464	531.326.222.464
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(560.486.662.359)	(560.042.405.194)
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		3.827.863.690	4.384.789.399
Tạm ứng	131		10.000.000	680.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	429.789.416	342.715.125
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	13	431.514.055	405.514.055
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136	18	2.956.560.219	2.956.560.219
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.864.369.981	52.199.741.658
Tài sản cố định	220		32.617.400.880	32.844.094.986
Tài sản cố định hữu hình	221	16	12.387.606.257	12.441.827.094
- Nguyên giá	222		29.058.411.175	28.909.900.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(16.670.804.918)	(16.468.073.081)
Tài sản cố định vô hình	227	14	20.229.794.623	20.402.267.892
- Nguyên giá	228		46.069.083.106	46.069.083.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(25.839.288.483)	(25.666.815.214)
Tài sản dài hạn khác	250		18.246.969.101	19.355.646.672
Chi phí trả trước dài hạn	252	12	12.901.362	34.796.772
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	15	18.234.067.739	19.320.849.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		91.978.133.421	136.372.480.626

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

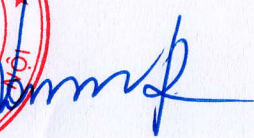
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		3.512.537.856	4.833.380.144
Nợ phải trả ngắn hạn	310		3.512.537.856	4.833.380.144
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	17	1.053.282.019	1.098.166.452
Phải trả người bán ngắn hạn	320		136.497.367	1.245.472.526
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		70.000.000	110.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	45.185.096	57.185.494
Phải trả người lao động	323		492.736.849	743.841.416
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		94.751.885	84.653.885
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		106.220.211	280.195.942
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		576.743.092	276.743.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		937.121.337	937.121.337
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.465.595.565	131.539.100.482
Vốn chủ sở hữu	410	19	88.465.595.565	131.539.100.482
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		969.530.383.997	969.530.383.997
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		969.225.090.000	969.225.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		969.225.090.000	969.225.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	411.2		(219.330.000)	(219.330.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	411.4		524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		11.263.566.694	11.263.566.694
Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		14.417.921	14.417.921
Lợi nhuận chưa phân phối	417		(903.066.983.998)	(859.993.479.081)
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		(626.041.390.645)	(572.266.253.133)
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(277.025.593.353)	(287.727.225.948)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		91.978.133.421	136.372.480.626


Vũ Quang Hải
Người lập biểu

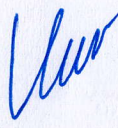

Vũ Quang Hải
Kế toán trưởng

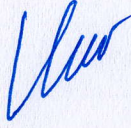



Trịnh Thành Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		96.922.509	96.922.509
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	20	20.798.400.000	20.921.370.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009	21	81.117.980.000	81.110.820.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	45.050.050.000	49.050.050.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	1.265.462.880.000	1.271.361.110.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		312.946.900.000	314.101.130.000
<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	021.2		127.850.000	4.041.000.000
<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	021.3		8.000.000.000	8.000.000.000
<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	021.4		943.941.130.000	944.068.980.000
<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	021.5		447.000.000	1.150.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	31.244.700.000	27.750.680.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		27.203.700.000	27.750.680.000
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>	022.2		4.041.000.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	25	11.879.052.770	20.546.914.970
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		6.324.131.131	17.886.424.258
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		5.554.921.639	2.660.490.712
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		5.554.921.639	2.660.490.712
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	11.879.029.133	20.545.933.086
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	031.1		11.879.029.133	20.545.933.086
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		14.290.640	14.290.640


Vũ Quang Hải
Người lập biểu


Vũ Quang Hải
Kế toán trưởng




Trịnh Thành Long
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		168.000	100.868.029
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.1</i>		-	<i>32.040.999</i>
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.2</i>		<i>168.000</i>	<i>67.005.001</i>
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	<i>01.3</i>	27	-	<i>1.822.029</i>
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	27	9.786.301	4.596.264
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		18.821.834	97.724.892
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		72.362.636	69.283.907
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		-	223.636.363
Cộng doanh thu hoạt động	20		101.138.771	496.109.455
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(7.999.805.600)	224.915.312
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	<i>21.1</i>		<i>3.151.020.408</i>	<i>43.948.417</i>
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	<i>21.2</i>		<i>(11.150.826.008)</i>	<i>180.966.895</i>
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	1.380.843.737	3.239.128.628
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	243.159.362	256.081.572
Cộng chi phí hoạt động	40		(6.375.802.501)	3.720.125.512
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định phát sinh trong năm	42	29	53.815.948	91.831.971
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		53.815.948	91.831.971
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	30	7.132.790.474	8.440.268.987
Kết quả hoạt động	70		(602.033.254)	(11.572.453.073)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Thu nhập khác	71		50.000	-
Chi phí khác	72	31	42.471.521.663	1.091.500.000
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(42.471.471.663)	(1.091.500.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(43.073.504.917)	(12.663.953.073)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(53.775.137.512)	(12.549.991.179)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		10.701.632.595	(113.961.894)
Chi phí thuế TNDN	100		-	1.375.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	1.375.000
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(43.073.504.917)	(12.665.328.073)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(444)	(131)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	32	(444)	(131)

Vũ Quang Hải
Người lập biểu

Vũ Quang Hải
Kế toán trưởng



Trịnh Thành Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		8.000.000.000	56.350.993.413
Cổ tức đã nhận	04		393.401.194	1.822.029
Tiền lãi đã thu	05		59.516.138	1.028.350.722
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(587.634.625)	(4.491.539.792)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(3.647.484.423)	(5.566.551.735)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(409.455.552)	(740.543.799)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		5.367.647.749	1.887.814.253
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(51.141.152.755)	(3.582.536.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(41.965.162.274)	44.887.808.281
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		-	(1.668.903.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(1.668.903.158)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50		(41.965.162.274)	43.218.905.123
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		69.180.275.214	32.786.219.450
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	5	27.215.112.940	76.005.124.573

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		10.552.063.879	48.983.586.597
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(22.570.966.152)	(107.091.793.363)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		3.220.270.000	1.416.151.304
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09		(85.097.974)	(31.337.406)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12		398.218.047	1.144.370.864
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13		(182.350.000)	(236.316.000)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	<i>20</i>		<i>(8.667.862.200)</i>	<i>(55.815.338.004)</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		20.546.914.970	78.633.745.505
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		20.546.914.970	78.633.745.505
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		17.886.424.258	75.199.909.381
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33		2.660.490.712	3.433.836.124
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		11.879.052.770	22.818.407.501
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		11.879.052.770	22.818.407.501
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		6.324.131.131	17.035.524.127
Trong đó có kỳ hạn				
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		5.554.921.639	5.782.883.374

Vũ Quang Hải
Người lập biểu

Vũ Quang Hải
Kế toán trưởng



Trịnh Thành Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2024		Kỳ trước		Tại 30/06/2024	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Biến động vốn chủ sở hữu	152.503.166.370	131.539.100.482	-	12.663.953.073	139.839.213.297	88.465.595.565
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	969.530.383.997	969.530.383.997	-	-	969.530.383.997	969.530.383.997
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	969.225.090.000	969.225.090.000	-	-	969.225.090.000	969.225.090.000
- Thặng dư vốn cổ phần	(219.330.000)	(219.330.000)	-	-	(219.330.000)	(219.330.000)
- Vốn khác của chủ sở hữu	524.623.997	524.623.997	-	-	524.623.997	524.623.997
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10.724.210.951	10.724.210.951	-	-	10.724.210.951	10.724.210.951
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	11.263.566.694	11.263.566.694	-	-	11.263.566.694	11.263.566.694
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	14.417.921	14.417.921	-	-	14.417.921	14.417.921
Lợi nhuận chưa phân phối	(839.029.413.193)	(859.993.479.081)	-	12.663.953.073	(851.693.366.266)	(903.066.983.998)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực	(551.535.916.123)	(572.266.233.133)	-	12.549.991.179	(564.085.907.302)	(626.041.390.645)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(287.493.497.070)	(287.727.225.948)	-	113.961.894	(287.607.458.964)	(277.025.593.353)
Cộng	152.503.166.370	131.539.100.482	-	12.663.953.073	139.839.213.297	88.465.595.565

Vũ Quang Hải
Người lập biểuVũ Quang Hải
Kế toán trưởngTrịnh Thành Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 85/UBCK-GP ngày 03 tháng 03 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102669368 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 25/07/2025. Vốn điều lệ của Công ty là 969.225.090.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 26 người (tại ngày 01/01/2025 là 34 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1 tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán và trong việc lập báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Quản Trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD

Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD phản ánh các khoản tiền đặt cọc của nhà đầu tư cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán phái sinh. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh đều được theo dõi tại chi tiêu “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính” trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	02 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Trong đó:

• *Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:*

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• *Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:*

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

• *Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):*

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• *Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:*

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

• Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuê phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong kỳ bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong kỳ được Công ty trình bày tại thuyết minh số 34.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	8.015.756.947	15.756.947
Tiền gửi ngân hàng	18.914.713.153	68.880.159.125
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	284.642.840	284.359.142
Cộng	27.215.112.940	69.180.275.214

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Kỳ này	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	400.000	8.000.000.000
- Cổ phiếu	400.000	8.000.000.000
Của nhà đầu tư	4.678.205	9.783.821.070
- Cổ phiếu	4.678.205	9.783.821.070
Cộng	5.078.205	17.783.821.070

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL)

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chi tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
+ <i>Cổ phiếu niêm yết</i>	87.209.212.298	9.184.945.619	87.209.212.298	9.184.972.019
KLF	7.772.814.914	707.088.800	7.772.814.914	707.088.800
GAB	74.838.000.000	7.382.546.719	74.838.000.000	7.382.546.719
HAI	2.972.658.445	390.073.500	2.972.658.445	390.073.500
FLC	1.621.887.743	704.053.000	1.621.887.743	704.053.000
Khác	3.851.196	1.183.600	3.851.196	1.210.000
+ <i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	198.564.329.478	12.364.217	209.715.349.886	12.364.217
FCA	125.448.979.592	-	136.600.000.000	-
FHH	72.999.000.000	-	72.999.000.000	-
ITASCO	110.000.000	12.364.217	110.000.000	12.364.217
Khác	6.349.886	-	6.349.886	-
Cộng	285.773.541.776	9.197.309.836	296.924.562.184	9.197.336.236

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 1 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025					
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch tăng VND		Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	đánh giá lại năm trước VND	Giá trị đánh giá lại VND
+ Cổ phiếu niêm yết	87.209.212.298	9.184.945.619	158.400	139.200	(78.024.285.879)	9.184.945.619
- KLF	7.772.814.914	707.088.800	-	-	(7.065.726.114)	707.088.800
- GAB	74.838.000.000	7.382.546.719	-	-	(67.455.453.281)	7.382.546.719
- HAI	2.972.658.445	390.073.500	-	-	(2.582.584.945)	390.073.500
- FLC	1.621.887.743	704.053.000	-	-	(917.834.743)	704.053.000
- Khác	3.851.196	1.183.600	153.400	139.200	(2.686.796)	1.183.600
+ Cổ phiếu chưa niêm yết	198.564.329.478	12.364.217	-	-	(198.551.965.261)	12.364.217
- FCA (*)	125.448.979.592	-	-	-	(125.448.979.592)	-
- FHH (*)	72.999.000.000	-	-	-	(72.999.000.000)	-
- ITASCO	110.000.000	12.364.217	-	-	(97.635.783)	12.364.217
- Khác	6.349.886	-	-	-	(6.349.886)	-
Cộng	285.773.541.776	9.197.309.836	158.400	139.200	(276.576.251.140)	9.197.309.836

(*): Khoản đầu tư vào các Công ty là bên liên quan với Công ty (tại thời điểm đầu tư). Do không thu thập được Báo cáo tài chính của các đơn vị này nên Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị từ năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin) (*)	114.411.857.455	-	114.411.857.455	-
Cộng	114.411.857.455	-	114.411.857.455	-

(*) Là khoản cho vay margin mã chứng khoán GAB với giá trị 114.411.857.455 đồng đã được trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ARTEX ngày 09/10/2023.

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN THỂ CHẤP

Chỉ tiêu	Cơ sở lập dự phòng tại 30/06/2025			Giá trị lập dự phòng tại 31/12/2024	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Giá trị sổ sách	Giá trị hợp lý	Giá trị lập dự phòng		
Các khoản cho vay	114.411.857.455	-	114.411.857.455	114.411.857.455	-
Cho vay Margin	114.411.857.455	-	114.411.857.455	114.411.857.455	-

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Trả trước cho người bán	614.598.828	711.919.019
Trả trước cho người bán khác	614.598.828	711.919.019
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.419.318.041	29.414.601.830
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	76.535	1.281.638
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp	228.255.000	268.255.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	312.525.986	266.604.672
Phải thu dịch vụ khác	28.878.460.520	28.878.460.520
Phải thu khác	531.326.222.464	531.326.222.464
HĐTG tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (1)	467.155.415.291	467.155.415.291
Phải thu tiền đặt cọc (2)	63.500.000.000	63.500.000.000
Phải thu khác	670.807.173	670.807.173
Cộng	561.360.139.333	561.452.743.313

(1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải (MSB) nhưng MSB tự thu giữ và chưa giải thích đầy đủ nguyên nhân cho Công ty. Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ARTEX ngày 09/10/2023.

(2) Là khoản đặt cọc theo 03 hợp đồng đặt cọc mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp lực - UNICAP với các đơn vị có liên quan đến các cá nhân bị khởi tố theo vụ án thao túng thị trường chứng khoán mà các cá nhân này đang là đại diện pháp luật (Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và xây dựng Đô Thành Hà Nội, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển IMR, Công ty TNHH Đầu tư thương mại và XNK Tâm An). Khoản này đã được trích lập dự phòng 100% giá trị vào Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-ARTEX ngày 09/10/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi phải lập dự phòng	Giá trị phải thu khó đòi	6 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2025			
		Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND	VND	VND	VND
1. Dự phòng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	29.327.452.395	30.749.992	-	29.327.452.395	29.296.702.403
- Đặng Thị Hoàn	1.985.767.855	-	-	1.985.767.855	1.985.767.855
- Đặng Thị Hồng Hà	1.802.130.395	-	-	1.802.130.395	1.802.130.395
- Đinh Thị Kim Thúy	1.128.657.078	-	-	1.128.657.078	1.128.657.078
- Mai Đức Nam	2.392.082.423	-	-	2.392.082.423	2.392.082.423
- Nguyễn Thị Cẩm Tú	3.245.015.924	-	-	3.245.015.924	3.245.015.924
- Nguyễn Thị Nga	1.744.423.468	-	-	1.744.423.468	1.744.423.468
- Nguyễn Trà My	2.444.898.378	-	-	2.444.898.378	2.444.898.378
- Nguyễn Tuấn Anh	3.167.341.425	-	-	3.167.341.425	3.167.341.425
- Võ Trọng Hiếu	2.791.041.936	-	-	2.791.041.936	2.791.041.936
- Các đối tượng khác	8.626.093.513	30.749.992	-	8.626.093.513	8.595.343.521
2. Dự phòng các khoản trả trước cho nhà cung cấp	90.287.500	-	-	90.287.500	90.287.500
- Báo Thái Nguyên	3.000.000	-	-	3.000.000	3.000.000
- Công ty Cổ phần phần mềm OOS	20.000.000	-	-	20.000.000	20.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Du lịch Việt Mỹ	25.200.000	-	-	25.200.000	25.200.000
- Công ty TNHH Tích hợp hệ thống quản lý Quốc tế	42.087.500	-	-	42.087.500	42.087.500
3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khác	531.068.922.464	413.507.173	-	531.068.922.464	530.655.415.291
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Tâm An	26.000.000.000	-	-	26.000.000.000	26.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển IMR	17.500.000.000	-	-	17.500.000.000	17.500.000.000
- CTCP Vật tư thiết bị và Xây dựng Đô Thành Hà Nội	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	467.155.415.291	-	-	467.155.415.291	467.155.415.291
- Các đối tượng khác	413.507.173	413.507.173	-	413.507.173	-
Cộng	560.486.662.359	444.257.165	-	560.486.662.359	560.042.405.194

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	429.789.416	342.715.125
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	429.789.416	342.715.125
Chi phí trả trước dài hạn	12.901.362	34.796.772
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.901.362	34.796.772
Cộng	442.690.778	377.511.897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	379.514.055	379.514.055
Đặt cọc khác	52.000.000	26.000.000
Cộng	431.514.055	405.514.055

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2025	21.054.563.158	23.579.737.400	1.434.782.548	46.069.083.106
Tại 30/06/2025	21.054.563.158	23.579.737.400	1.434.782.548	46.069.083.106
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2025	652.295.266	23.579.737.400	1.434.782.548	25.666.815.214
Khấu hao trong kỳ	172.473.269	-	-	172.473.269
Tại 30/06/2025	824.768.535	23.579.737.400	1.434.782.548	25.839.288.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2025	20.402.267.892	-	-	20.402.267.892
Tại 30/06/2025	20.229.794.623	-	-	20.229.794.623

Tại ngày 30/06/2025:

- Tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 18.120.070.732 VND (tại ngày 01/01/2025 là 14.476.981.199 VND).
- Tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng không sử dụng là 6.894.449.216 VND (tại ngày 01/01/2025 là 6.894.449.216 VND).

15. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	13.237.816.260	13.231.150.736
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.876.251.479	5.969.699.164
Cộng	18.234.067.739	19.320.849.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	12.323.500.000	15.026.516.175	1.442.640.000	117.244.000	28.909.900.175
Mua trong kỳ	-	148.511.000	-	-	148.511.000
Tại 30/06/2025	12.323.500.000	15.175.027.175	1.442.640.000	117.244.000	29.058.411.175
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại 01/01/2025	381.796.602	15.002.864.412	966.168.067	117.244.000	16.468.073.081
Khấu hao trong kỳ	100.950.768	29.649.069	72.132.000	-	202.731.837
Tại 30/06/2025	482.747.370	15.032.513.481	1.038.300.067	117.244.000	16.670.804.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	12.705.296.602	23.651.763	476.471.933	-	12.441.827.094
Tại 30/06/2025	11.840.752.630	142.513.694	404.339.933	-	12.387.606.257

Tại ngày 30/06/2025:

- Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 11.278.914.116 VND (tại ngày 01/01/2025 là 11.278.914.116 VND).
- Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng không sử dụng là 3.512.907.659 VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.512.907.659 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	-	905.271
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	-	42.522.591
Phải trả giao dịch mua chứng khoán	1.035.163.500	1.035.163.500
Phải trả hoa hồng CTV	3.827.879	5.284.450
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	14.290.640	14.290.640
Cộng	1.053.282.019	1.098.166.452

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại 30/06/2025 VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	3.800.000	3.800.000	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.956.560.219)	-	-	(2.956.560.219)
- Thuế thu nhập cá nhân	57.185.494	390.655.154	402.655.552	45.185.096
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(2.899.374.725)	393.655.154	405.655.552	(2.911.375.123)
<i>Trong đó:</i>				
- Phải nộp	57.185.494			45.185.096
- Phải thu	2.956.560.219			2.956.560.219

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ARTEX

Tầng 1 Tòa nhà FLC Landmark Tower, đường Lê Đức Thọ, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Bảng biến động vốn Chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND
01/01/2024	969.225.090.000	(219.330.000)		524.623.997	10.724.210.951		11.263.566.694		14.417.921	(839.029.413.193)		152.503.166.370
- Lỗ trong năm	-	-		-	-		-		-	(20.964.065.888)		(20.964.065.888)
31/12/2024	969.225.090.000	(219.330.000)		524.623.997	10.724.210.951		11.263.566.694		14.417.921	(859.993.479.081)		131.539.100.482
01/01/2025	969.225.090.000	(219.330.000)		524.623.997	10.724.210.951		11.263.566.694		14.417.921	(859.993.479.081)		131.539.100.482
- Lỗ trong kỳ	-	-		-	-		-		-	(43.073.504.917)		(43.073.504.917)
30/06/2025	969.225.090.000	(219.330.000)		524.623.997	10.724.210.951		11.263.566.694		14.417.921	(903.066.983.998)		88.465.595.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Chi tiết về vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Tại 30/06/2025		Tại 01/01/2025	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
Bà La Mỹ Phương	58.399.000.000	6,03%	58.399.000.000	6,03%
Các cổ đông khác	910.826.090.000	93,97%	910.826.090.000	93,97%
Cộng	969.225.090.000	100,00%	969.225.090.000	100,00%

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	969.225.090.000	969.225.090.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	969.225.090.000	969.225.090.000

Tình hình phát hành cổ phiếu:

	Tại 30/06/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	96.922.509	96.922.509
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu phổ thông	96.922.509	96.922.509
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	20.798.400.000	20.921.370.000
Cộng	20.798.400.000	20.921.370.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	81.117.980.000	81.110.820.000
Cộng	81.117.980.000	81.110.820.000

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	45.050.050.000	49.050.050.000
Cộng	45.050.050.000	49.050.050.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	312.946.900.000	314.101.130.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	127.850.000	4.041.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.000.000.000	8.000.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ (*)	943.941.130.000	944.068.980.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	447.000.000	1.150.000.000
Cộng	1.265.462.880.000	1.271.361.110.000

(*) Tại ngày 30/06/2025, trong đó:

- Mã FLC:	811.973.590.000 đồng
- Mã GAB:	85.112.000.000 đồng
- Mã ART:	36.560.000.000 đồng
- Mã ROS:	10.142.980.000 đồng
- Mã AMD:	48.000.000 đồng
- Mã KLF:	23.120.000 đồng
- Mã HAI:	30.000 đồng
- Các mã khác:	81.140.000 đồng.

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.203.700.000	27.750.680.000
Cộng	31.244.700.000	27.750.680.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	6.324.131.131	17.886.424.258
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	5.554.921.639	2.660.490.712
Cộng	11.879.052.770	20.546.914.970

26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.879.029.133	20.545.933.086
Cộng	11.879.029.133	20.545.933.086

27. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	-	1.822.029
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	9.786.301	4.596.264
Cộng	9.786.301	6.418.293

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.380.843.737	3.239.128.628
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	243.159.362	256.081.572
Cộng	1.624.003.099	3.495.210.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	53.815.948	91.831.971
Cộng	53.815.948	91.831.971

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.992.189.151	5.192.035.440
BHXXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	145.883.081	198.552.960
Chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp	43.164.396	49.560.420
Chi phí vật tư văn phòng	9.119.960	11.194.812
Chi phí công cụ, dụng cụ	21.174.835	436.333
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	375.205.106	574.956.312
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.543.053.945	2.410.532.710
Cộng	7.132.790.474	8.440.268.987

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền phạt vi phạm hành chính (*)	42.471.521.663	1.080.000.000
Chi phí khác	-	11.500.000
Cộng	42.471.521.663	1.091.500.000

(*) Là khoản truy nộp số tiền hưởng lợi từ hành vi thao túng thị trường chứng khoán để bổ sung công quỹ Nhà nước đã nộp cho Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội theo bản án Hình sự Phúc thẩm số 598/2025/HS-PT ngày 26/06/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(43.073.504.917)	(12.663.953.073)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	96.922.509	96.922.509
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(444)	(131)

33. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng Quản trị trong kỳ như sau:

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	Chức danh	VND	VND
Ông Trịnh Thành Long	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	105.358.160	-
Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025) Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	297.591.363	738.125.000
Bà Trịnh Huy Linh	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	31.295.454	-
Bà Lê Thị Trúc Quỳnh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	298.181.819	601.648.149
Bà Phạm Tú Anh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	20.863.636	-
Bà Phùng Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	114.750.000	-
Ông Trịnh Thành Long	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2025)	20.863.636	-
Ông Nguyễn Thanh Cầm	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/04/2025)	50.318.182	90.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bên liên quan khác với Công ty:

TT	Công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Rosland	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
2	Công ty TNHH Đầu tư Du thuyền – sân Golf FLC Bissom	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT
3	Công ty Cổ phần Quản lý Vốn và tài sản FLC Holding	Bên liên quan với Chủ tịch HĐQT

Số dư với bên liên quan

	Tại 30/06/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Giá mua chứng khoán còn nắm giữ	198.447.979.592	208.999.000.000
- CTCP Đầu tư kinh doanh Phát triển Bất động sản FLCHOME	72.999.000.000	72.999.000.000
- CTCP Quản lý vốn và Tài sản FLC Holding	125.448.979.592	136.000.000.000
Các khoản cho vay	25.000.508.726	25.000.508.726
- Công ty Cổ phần Rosland	25.000.508.726	25.000.508.726

35. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại ngày 30/06/2025, lỗ lũy kế của Công ty là 903.066.983.998 đồng, hoạt động của Công ty cũng đang hạn chế. Ban Quản trị khẳng định rằng, Công ty đang tập trung nhiều nguồn lực giải quyết các vấn đề này để Công ty có thể hoạt động bình thường, tình hình tài chính hiện tại Công ty cũng đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, do đó, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

36. THÔNG TIN KHÁC

Vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thao túng thị trường chứng khoán

Ngày 26/06/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã công bố Bản án hình sự phúc thẩm số 598/2025/HS-PT Vụ án hình sự Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thao túng thị trường chứng khoán, có ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán và Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ xảy ra tại Công ty CP Tập đoàn FLC và các đơn vị liên quan (“Vụ án”). Công ty đã hoàn thành việc nộp toàn bộ số tiền hưởng lợi để bổ sung công quỹ Nhà nước đã nộp cho Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Theo Quyết định số 864/QĐ-SGDHN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Cổ phiếu ART của Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX bị đình chỉ giao dịch từ ngày 25/08/2023.

Tình trạng kiểm soát, hoạt động hạn chế, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh

- Theo Quyết định số 70/QĐ-SGDVN ngày 18/08/2023 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX bị đình chỉ hoạt động mua chứng khoán trên thị trường chứng khoán niêm yết, thị trường đăng ký giao dịch và thị trường chứng khoán phái sinh tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

Tình trạng kiểm soát, hoạt động hạn chế, rút bớt nghiệp vụ kinh doanh (tiếp)

- Theo Quyết định số 549/QĐ-UBCK ngày 13/05/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán chứng khoán phái sinh đã cấp cho Công ty.
- Ngày 11/10/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Quyết định số 1118/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX vào tình trạng kiểm soát.
- Ngày 09/06/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã đồng ý điều chỉnh rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 28/GPĐC-UBCK.

Thay đổi tên gọi

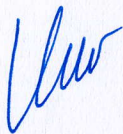
- Ngày 23/07/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận việc thay đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Chứng khoán BOS thành Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX theo Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 56/GPĐC-UBCK.
- Ngày 25/07/2025, Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Chứng khoán ARTEX.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét.



Vũ Quang Hải
Người lập biểu



Vũ Quang Hải
Kế toán trưởng



Trịnh Thành Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025